

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108/2022/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị H**; Sinh năm: 1975

HKTT: Thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tiến H1**; Sinh năm: 1972

HKTT: Thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY.

Hiện trú tại: Số 3, Thôn B, xã PC, huyện VG, tỉnh HY.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Bùi Khắc T** - Luật sư Công ty Luật TNHH 4 và C - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đỗ Thị H2**; Sinh năm: 1948

HKTT: Thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY.

Hiện trú tại: Số 3, Thôn B, xã PC, huyện VG, tỉnh HY.

Chị **Nguyễn Thị Y**; Sinh năm: 1996

Hiện trú tại: TB - PK - Thị xã TS - BN

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ vào các Điều 55, 38, 39, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/11/2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Tiến H1.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Tiến H1 đều thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Tiến H1 đều xác nhận vợ chồng có một con chung là chị Nguyễn Thị Y sinh ngày 21/10/1996.

Nay chị Y đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về tài sản chung:

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể như sau:

*** Tài sản chung gồm có:**

- Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 40 tờ bản đồ số 09 tại thôn B, xã PC, huyện VG, tỉnh HY. Diện tích 90m².

Tài sản, công trình trên đất gồm có:

01 Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 72,4m²/tầng và phần diện tích xây dựng phía trước nhà đổ trần; 01 Tủ lạnh nhãn hiệu Hitachi, 2 cánh màu đen; 01 Bộ bàn ăn (1 bàn, 8 ghế) gỗ hương; 01 Giường ngủ, gỗ hương; 01 giường ngủ gỗ gụ; 01 Tủ 4 cánh gỗ hương; 01 tủ gỗ gụ 3 cánh; 01 bộ bàn ghế (1 bàn, 1 ghế dài, 2 ghế ngắn, 2 đôn); 01 bàn trang điểm.

- Thửa đất thứ hai: Thửa đất số 444 tờ bản đồ số 8 tại thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY. Diện tích 43,4m²;

Trên đất không có tài sản, công trình gì.

Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác cần phân chia.

Tổng giá trị tài sản: 5.500.000.000đ (Năm tỷ năm trăm triệu đồng)

*** Các đương sự thống nhất thoả thuận phân chia tài sản như sau:**

- Bà Đỗ Thị H2 tự nguyện không yêu cầu gì về công sức đóng góp, tài sản trong thời gian chung sống cùng vợ chồng ông Nguyễn Tiến H1 và bà Đỗ Thị H.

- Chị Nguyễn Thị Y không đóng góp công sức gì trong khối tài sản chung của anh H1, chị H.

- Giao ông Nguyễn Tiến H1 quản lý, sử dụng:

+, Thửa đất số 40 tờ bản đồ số 09 tại thôn Bền, xã PC, huyện VG, tỉnh HY. Diện tích 90m².

Tài sản, công trình trên đất gồm có: 01 Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 72,4m²/tầng và phần diện tích xây dựng phía trước nhà đổ trần; 01 kệ ti vi gỗ hương.

+, Thửa đất số 444 tờ bản đồ số 8 tại thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY. Diện tích 43,4m².

- Giao bà Đỗ Thị H quản lý, sử dụng:

01 Tủ lạnh nhãn hiệu Hitachi, 2 cánh màu đen; 01 Bộ bàn ăn (1 bàn, 8 ghế) gỗ hương; 01 Giường ngủ, gỗ hương; 01 giường ngủ gỗ gụ; 01 Tủ 4 cánh gỗ hương; 01 tủ gỗ gụ 3 cánh; 01 bộ bàn ghế (1 bàn, 1 ghế dài, 2 ghế ngắn, 2 đôn); 01 bàn trang điểm.

- Ông Nguyễn Tiến H1 có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị H số tiền: 2.500.000.000đ (Hai tỉ năm trăm triệu đồng).

Thời hạn giao tiền: Chậm nhất đến ngày 24/11/2022.

- Ông Nguyễn Tiến H1 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H2 số tiền: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Sau khi thực hiện xong việc bàn giao tài sản, tiền như trên, các bên không còn liên quan với nhau về tài sản, công nợ.

Chị Nguyễn Thị Yên không có quyền tranh chấp đối với tài sản đã giao cho ông Nguyễn Tiến Hưng.

- Bà Đỗ Thị H có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Tiến H1 các giấy tờ:

Bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/1993; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/1994; Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Chúc thư; Biên bản trao trả nốt tiền và giao quyền sử dụng đất; Giấy biên nhận tiền ngày 20/11/2007; Giấy biên nhận tiền ngày 20/06/1998; Giấy cam kết chuyển nhượng đất ngày 15/6/1998; Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/8/1991.

Ngoài ra không còn tài sản gì khác cần thỏa thuận, phân chia.

Các thửa đất và công trình thỏa thuận phân chia có sơ đồ kèm theo.

Trên cơ sở diện tích được phân chia theo thỏa thuận, ông Nguyễn Tiến H1 có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.4. Về án phí: Bà Đỗ Thị H tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Bà H được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 015924 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, nay hoàn trả bà H số tiền 150.000đ theo biên lai thu số 015924 ngày 20/5/2019 và 53.300.000đ theo biên lai thu số 016013 ngày 15/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

-Phòng KTGD TAND tỉnh Hưng Yên
-VK SND huyện Văn Giang
-THADS huyện Văn Giang
-UBND xã TT
(ĐKKH số 21 ngày 31/3/1994)
-Các đương sự.
-Lưu.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy